

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
đã được soát xét**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-28
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-28

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 14 tháng 07 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Hồng	Ủy viên	
Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên	
Ông Đỗ Văn Hợi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/03/2011

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2011
Ông Đào Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Ông Nguyễn Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Bà Lê Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Kim Loan	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Trần Nam Bắc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2011



Số: 1073 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011
của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được lập ngày 22 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		489,679,569,927	527,828,623,459
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17,554,909,316	26,789,383,956
111	1. Tiền		7,554,909,316	16,789,383,956
112	2. Các khoản tương đương tiền		10,000,000,000	10,000,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	889,310,000	1,748,460,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2,060,590,000	2,060,590,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1,171,280,000)	(312,130,000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		189,431,306,950	81,725,734,928
131	1. Phải thu của khách hàng		112,101,559,317	64,970,302,857
132	2. Trả trước cho người bán		62,242,513,097	3,386,279,287
135	5. Các khoản phải thu khác	5	15,254,365,674	13,536,283,922
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(167,131,138)	(167,131,138)
140	IV. Hàng tồn kho	6	277,817,847,460	400,983,093,282
141	1. Hàng tồn kho		277,817,847,460	400,983,093,282
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3,986,196,201	16,581,951,293
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		764,017,695	420,473,700
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2,115,517,843	14,990,434,929
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	1,106,660,663	1,171,042,664
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		123,755,748,895	119,152,887,067
220	II. Tài sản cố định		109,100,633,261	104,177,401,895
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	55,434,118,787	58,385,543,719
222	- Nguyên giá		84,950,302,444	84,310,063,675
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29,516,183,657)	(25,924,519,956)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9,170,438,649	9,171,688,647
228	- Nguyên giá		9,189,063,636	9,189,063,636
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18,624,987)	(17,374,989)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	44,496,075,825	36,620,169,529
260	V. Tài sản dài hạn khác		14,655,115,634	14,975,485,172
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	13,751,680,044	13,944,589,068
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.2	903,435,590	1,030,896,104
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		613,435,318,822	646,981,510,526

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 30 tháng 06 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		281,625,835,930	314,238,496,965
310	I. Nợ ngắn hạn		281,389,740,092	314,027,101,127
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	188,854,525,101	260,978,987,810
312	2. Phải trả người bán		69,904,352,484	34,037,271,564
313	3. Người mua trả tiền trước		302,346,975	557,681,196
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	15,801,506,070	9,186,857,365
315	5. Phải trả người lao động		479,177,705	1,567,505,690
316	6. Chi phí phải trả		138,247,239	1,727,979,439
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	248,557,380	48,790,925
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5,661,027,138	5,922,027,138
330	II. Nợ dài hạn		236,095,838	211,395,838
333	3. Phải trả dài hạn khác		203,470,306	178,770,306
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		32,625,532	32,625,532
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		320,892,041,054	322,172,539,072
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	320,892,041,054	322,172,539,072
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		199,999,930,000	199,999,930,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		78,067,482,550	78,067,482,550
414	4. Cổ phiếu quỹ		(20,959,833,000)	(12,110,636,000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	2,878,634,209
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		17,009,247,915	17,009,247,915
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		14,578,260,521	14,578,260,521
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32,196,953,068	21,749,619,877
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		10,917,441,838	10,570,474,489
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		613,435,318,822	646,981,510,526

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		206,910.32	99,862.62

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	740,524,403,646	680,656,234,589
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		740,524,403,646	680,656,234,589
11	4. Giá vốn hàng bán	17	672,660,162,863	631,387,145,521
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		67,864,240,783	49,269,089,068
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	1,428,149,978	696,578,374
22	7. Chi phí tài chính	19	23,561,684,814	12,276,820,764
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		19,030,726,284	6,112,876,076
24	8. Chi phí bán hàng	20	1,911,838,857	1,054,574,881
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	5,850,732,199	4,569,580,376
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		37,968,134,891	32,064,691,421
31	11. Thu nhập khác		988,053,591	199,492,515
32	12. Chi phí khác		1,443,344,915	662,437,982
40	13. Lợi nhuận khác		(455,291,324)	(462,945,467)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37,512,843,567	31,601,745,954
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.1	7,597,809,513	7,801,867,550
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22.2	127,460,514	(348,953,928)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		29,787,573,540	24,148,832,332
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		268,768,147	(122,219,872)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>29,518,805,393</u>	<u>24,271,052,204</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	1,562	2,206



Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		37,512,843,567	31,601,745,954
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		3,723,325,719	3,296,120,232
03	Các khoản dự phòng		859,150,000	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,125,069,141)	(144,212,625)
06	Chi phí lãi vay		19,030,726,284	9,433,517,467
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		60,000,976,429	44,187,171,028
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(89,766,272,935)	41,762,859,822
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		123,165,245,822	(99,210,302,669)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		31,072,550,848	16,764,340,923
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(150,634,971)	65,027,690
13	Tiền lãi vay đã trả		(20,238,793,143)	(10,371,429,318)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2,660,128,037)	(1,151,373,095)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		67,900,000	18,900,000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(304,200,000)	(1,590,707,075)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		101,186,644,013	(9,525,512,694)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8,769,269,659)	(3,130,348,188)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		90,909,091	190,000,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(2,500,000,000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,142,202,475	238,830,256
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9,036,158,093)	(2,701,517,932)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(8,849,197,000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		210,989,857,634	288,583,042,796
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(284,532,348,194)	(240,581,105,079)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18,993,273,000)	(10,998,800,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(101,384,960,560)	37,003,137,717

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9,234,474,640)	24,776,107,091
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		26,789,383,956	6,411,497,828
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>17,554,909,316</u>	<u>31,187,604,919</u>

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiên được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 14 tháng 07 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 375.997.100.000 VND. Tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiên Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Công ty TNHH Phúc Tiên Hải Phòng	Thôn Bắc Hà, Xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và ngành nước);
- Sửa chữa, lắp đặt và bảo hành các sản phẩm công ty kinh doanh;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành xây dựng;
- Sản xuất tấm lợp kim loại, sản xuất cấu kiện thép hình, khung nhà tiền chế;
- Mua bán nguyên liệu nhựa và sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ xây dựng, sản xuất và tiêu dùng;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường), chợ và siêu thị;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô, dịch vụ sửa chữa ô tô và vận tải hành khách;
- Sản xuất, buôn bán đồ gỗ nội thất;
- Cho thuê văn phòng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	02 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi đầu tư số 09/UĐĐT-UB ngày 05/03/2004, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đầu tiên (Công ty con có thu nhập chịu thuế từ năm 2007) và chỉ được ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất của Công ty con.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	256,575,000	261,981,103
Tiền gửi ngân hàng	7,188,334,316	16,527,402,853
Tiền đang chuyển	110,000,000	-
Các khoản tương đương tiền	10,000,000,000	10,000,000,000
	<u>17,554,909,316</u>	<u>26,789,383,956</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	2,060,590,000	2,060,590,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1,171,280,000)	(312,130,000)
	<u>889,310,000</u>	<u>1,748,460,000</u>

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	-	1,017,133,334
Phải thu về tiền gốc cho vay	15,000,000,000	12,500,000,000
Phải thu khác	254,365,674	19,150,588
	<u>15,254,365,674</u>	<u>13,536,283,922</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	142,998,271,178	278,748,404,900
Thành phẩm	38,792,665,651	20,789,378,194
Hàng hoá	96,026,910,631	101,445,310,188
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>277,817,847,460</u>	<u>400,983,093,282</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1,096,660,663	1,161,042,664
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	10,000,000	10,000,000
	<u>1,106,660,663</u>	<u>1,171,042,664</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	28,624,784,385	37,911,434,492	17,548,240,834	225,603,964	-	84,310,063,675
Số tăng trong kỳ	530,880,909	370,781,605	-	-	-	901,662,514
- Mua sắm mới	-	370,781,605	-	-	-	370,781,605
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	530,880,909	-	-	-	-	530,880,909
Số giảm trong kỳ	-	(57,061,364)	(191,610,000)	(12,752,381)	-	(261,423,745)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(57,061,364)	(191,610,000)	(12,752,381)	-	(261,423,745)
Số dư cuối kỳ	29,155,665,294	38,225,154,733	17,356,630,834	212,851,583	-	84,950,302,444
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	7,311,154,007	14,530,465,175	3,938,915,878	143,984,896	-	25,924,519,956
Số tăng trong kỳ	1,041,086,166	1,678,580,707	989,518,297	12,890,551	-	3,722,075,721
- Trích khấu hao	1,041,086,166	1,678,580,707	989,518,297	12,890,551	-	3,722,075,721
Số giảm trong kỳ	-	(50,592,538)	(69,192,500)	(10,626,982)	-	(130,412,020)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(50,592,538)	(69,192,500)	(10,626,982)	-	(130,412,020)
Số dư cuối kỳ	8,352,240,173	16,158,453,344	4,859,241,675	146,248,465	-	29,516,183,657
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu kỳ	21,313,630,378	23,380,969,317	13,609,324,956	81,619,068	-	58,385,543,719
Cuối kỳ	20,803,425,121	22,066,701,389	12,497,389,159	66,603,118	-	55,434,118,787

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	9,168,563,636	20,500,000	9,189,063,636
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9,168,563,636	20,500,000	9,189,063,636
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	-	17,374,989	17,374,989
Số tăng trong kỳ	-	1,249,998	1,249,998
- Trích khấu hao	-	1,249,998	1,249,998
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	18,624,987	18,624,987
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu kỳ	9,168,563,636	3,125,011	9,171,688,647
Cuối kỳ	9,168,563,636	1,875,013	9,170,438,649

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	12,071,475,499	11,634,622,774
- Công trình Đền Lù	4,526,696,703	4,526,696,703
- Xây dựng xưởng Hải Phòng	20,000,000	20,000,000
- Công trình Lai Cách - Hải Dương	200,000,000	200,000,000
- Nhà xưởng 5 - Hưng Yên	71,576,828	62,298,270
- Nhà trưng bày sản phẩm - Hưng Yên	47,272,728	47,272,728
- Xây dựng nhà xưởng 1 - Hải Phòng	2,575,514,078	2,745,971,875
- Xây dựng nhà xưởng 2 - Hải Phòng	4,495,281,017	4,032,383,198
- Công trình khác	135,134,145	-
Mua sắm tài sản cố định	32,424,600,326	24,410,781,846
- Máy ép tấm nhựa bọc nhôm	4,643,550,171	4,067,140,000
- Máy ép tấm nhựa PC	11,933,046,223	4,748,240,000
- Máy cắt xả tôn	9,192,767,344	9,059,607,981
- Máy cắt xén tôn	6,655,236,588	6,535,793,865
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	574,764,909
- Sửa chữa nhà 309 Tam Trinh	-	574,764,909
	44,496,075,825	36,620,169,529

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình (*)	1,826,093,773	1,935,109,093
Giá trị quyền thuê đất góp vốn	10,500,000,000	10,500,000,000
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1,157,655,977	1,408,312,367
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	33,614,155	43,107,563
Chi phí trả trước dài hạn khác	234,316,139	58,060,045
	<u>13,751,680,044</u>	<u>13,944,589,068</u>

(*) Đây là các khoản chi phí như: chi phí san nền, chi phí đền bù đất đai, hoa màu và các khoản chi phí khác mà Công ty đã chi ra để có mặt bằng xây dựng nhà máy trên đất thuê của Nhà nước. Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo số năm thuê đất.

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	188,854,525,101	260,978,987,810
- Vay ngân hàng	187,369,867,029	259,869,618,612
- Vay tổ chức khác	765,341,462	-
- Vay cá nhân	719,316,610	1,109,369,198
	<u>188,854,525,101</u>	<u>260,978,987,810</u>

Chi tiết vay ngắn hạn

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội	-	28,307,113,700
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hưng Yên ⁽¹⁾	11,771,340,281	70,765,775,570
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên ⁽²⁾	50,356,846,307	25,576,970,169
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽³⁾	125,241,680,441	135,219,759,173
Vay Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	765,341,462	-
Vay công đoàn Công ty	-	1,182,980
Vay cá nhân	719,316,610	1,108,186,218
	<u>188,854,525,101</u>	<u>260,978,987,810</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số LD1015300007 ngày 02/06/2010 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 90 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ; lãi suất đang áp dụng đối với khoản vay VND là 21%/năm, đối khoản vay USD là 6,2%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản bảo đảm là toàn bộ hệ thống nhà xưởng, nhà văn phòng, kho bãi, đường nội bộ, các công trình phụ, ... và các tài sản hình thành từ vốn vay;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2011 là 11.771.340.281 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 10.0204/VCB.HY ngày 16/11/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, lãi vay áp dụng đối với các giấy nhận nợ bằng USD tại thời điểm 30/06/2011 từ 6,5%/năm đến 7,0%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng tài sản Công ty;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2011 là 30.158.797.369 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 11.0131/VCB.HY ngày 26/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, lãi vay áp dụng đối với các giấy nhận nợ bằng USD tại thời điểm 30/06/2011 là 7,0%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng tài sản Công ty;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2011 là 20.198.048.936 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số HM-10/PT-HM ngày 19/08/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay: 150 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010;
- + Thời hạn duy trì hạn mức đến 31/07/2011; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay đối với VND áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,0%/ năm. Lãi suất áp dụng cho kỳ thu lãi đầu tiên là 12,5%/năm và được điều chỉnh 1 tháng/1 lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2011 là 21%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo. Áp dụng biện pháp bổ sung, tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 3 dãy A Mai Động, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến với giá trị tài sản bảo đảm hiện tại là 7.069.700.000 VND;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2011 là 92.632.347.811 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 01.HM-10/PTHY-HM ngày 25/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010;
- + Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/05/2011, thời hạn vay của mỗi khế ước nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ có kỳ hạn 6 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,2%/năm, lãi suất áp dụng đối với các giấy nhận nợ còn dư tại 30/06/2011 đối khoản vay VNĐ là 17%/năm và đối khoản vay USD là 7,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Áp dụng biện pháp bổ sung một phần tài sản thế chấp là 01 sổ tiết kiệm của bên thứ ba giá trị 500.000 USD.
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2011 là 32.609.332.630 đồng;

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2,285,349,124	3,339,838
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	428,082,546	425,634,479
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	13,059,179,749	8,121,498,273
Thuế Thu nhập cá nhân	28,894,651	636,384,775
	<u>15,801,506,070</u>	<u>9,186,857,365</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	13,317,448	13,973,513
Bảo hiểm xã hội	6,284,001	62,824
Bảo hiểm y tế	89,583,424	244,040
Phải trả, phải nợ khác	139,372,507	34,510,548
	<u>248,557,380</u>	<u>48,790,925</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	199,999,930,000	78,067,482,550	(12,110,636,000)	2,878,634,209	17,009,247,915	14,578,260,521	21,749,619,877	322,172,539,072
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	29,518,805,393	29,518,805,393
Chi trả cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	-	-	(18,993,273,000)	(18,993,273,000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(8,849,197,000)	-	-	-	-	(8,849,197,000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(2,878,634,209)	-	-	-	(2,878,634,209)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(78,199,202)	(78,199,202)
Số dư cuối kỳ	199,999,930,000	78,067,482,550	(20,959,833,000)	-	17,009,247,915	14,578,260,521	32,196,953,068	320,892,041,054

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của các cổ đông	199,999,930,000	100.00%	199,999,930,000	100.00%
	199,999,930,000	100.00%	199,999,930,000	100.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199,999,930,000	110,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>110,000,000,000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>110,000,000,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18,993,273,000	11,000,000,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>18,993,273,000</i>	<i>11,000,000,000</i>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/03/2011, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2010 bằng 20% vốn điều lệ, trong đó đã tạm ứng 10% trong năm 2010, phần còn lại chi trả trong năm 2011 là 18.993.273.000 đồng.

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,999,993	11,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,999,993	11,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19,999,993</i>	<i>11,000,000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1,796,060	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1,796,060</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,203,933	11,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18,203,933</i>	<i>11,000,000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17,009,247,915	17,009,247,915
Quỹ dự phòng tài chính	14,578,260,521	14,578,260,521
	<u>31,587,508,436</u>	<u>31,587,508,436</u>

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u>
	<u>đến 30/06/2011</u>	<u>đến 30/06/2010</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	199,981,989,960	78,132,007,523
Doanh thu bán hàng hóa	538,427,479,469	601,037,429,162
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,114,934,217	1,486,797,904
	<u>740,524,403,646</u>	<u>680,656,234,589</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	180,400,819,687	74,119,528,913
Giá vốn của hàng hóa đã bán	492,200,824,889	556,873,637,096
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	58,518,287	393,979,512
	<u>672,660,162,863</u>	<u>631,387,145,521</u>

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	139,939,999	238,830,256
Lãi cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm	951,314,142	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33,815,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	303,080,837	457,748,118
	<u>1,428,149,978</u>	<u>696,578,374</u>

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	19,030,726,284	9,433,517,467
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2,927,648,232	2,139,129,200
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	859,150,000	-
Chi phí tài chính khác	744,160,298	704,174,097
	<u>23,561,684,814</u>	<u>12,276,820,764</u>

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	13,524,501	66,728,136
Chi phí nhân công	840,801,158	549,702,234
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73,601,820	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	934,029,791	264,686,933
Chi phí khác bằng tiền	49,881,587	173,457,578
	<u>1,911,838,857</u>	<u>1,054,574,881</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	327,515,208	377,104,438
Chi phí nhân công	3,075,443,149	2,104,127,226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	904,720,287	703,405,106
Thuế, phí, lệ phí	13,833,500	42,207,590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	947,287,326	864,024,506
Chi phí khác bằng tiền	581,932,729	478,711,510
	5,850,732,199	4,569,580,376

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**22.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	7,597,809,513	7,801,867,550
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7,597,809,513	7,801,867,550

(*) Theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/UĐĐT-UB ngày 05/03/2004, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đầu tiên (Công ty con có thu nhập chịu thuế từ năm 2007) và chỉ được ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất của Công ty con.

22.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	903,435,590	1,030,896,104
	903,435,590	1,030,896,104
	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	127,460,514	(348,953,928)
	127,460,514	(348,953,928)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.



Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2011